

Số: AT./2017/TB-TAG-HĐQT
V/v: Công bố Báo cáo tài chính
Cho năm chuyển đổi

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần Thế giới số Trần Anh
2. Mã chứng khoán: TAG
3. Trụ sở chính: 1174 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.37666666 Fax: 04.37667708
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Kim Liên - Người được ủy quyền công bố thông tin.

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1. Công bố nội dung Báo cáo tài chính cho năm chuyển đổi bắt đầu từ ngày 01/01/2017 kết thúc ngày 31/03/2017 của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh. Báo cáo tài chính được lập vào ngày 17/04/2017 bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 31/03/2017.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính cho năm chuyển đổi tại:
<http://www.trananh.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Xuân Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Số 1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM CHUYỂN ĐỔI BẮT ĐẦU TỪ NGÀY
01/01/2017 TỚI HẾT NGÀY 31/03/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		924,316,416,602	1,142,655,872,784
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	28,106,429,682	65,506,420,645
Tiền	111		22,248,457,385	51,476,095,978
Các khoản tương đương tiền	112		5,857,972,297	14,030,324,667
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	317,009,501	308,387,500
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123		317,009,501	308,387,500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,595,652,972	35,887,783,924
Phải thu khách hàng	131	6	5,381,035,086	7,187,256,469
Trả trước cho người bán	132		3,748,825,018	5,667,113,676
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	25,465,792,868	23,033,413,779
Hàng tồn kho	140		802,560,998,267	958,801,525,067
Hàng tồn kho	141	7	810,112,299,135	967,291,575,984
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7,551,300,868)	(8,490,050,917)
Tài sản ngắn hạn khác	150		58,736,326,180	82,151,755,648
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	10,998,090,052	14,070,169,898
Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	47,738,236,128	68,081,585,750
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	17	-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220)	200		260,640,887,843	269,286,764,308
Các khoản phải thu dài hạn	210		55,542,313,221	55,468,817,251
Phải thu dài hạn khác	216	9	55,542,313,221	55,468,817,251
Tài sản cố định	220		117,124,310,774	107,864,158,397
Tài sản cố định hữu hình	221	11	114,266,246,783	105,049,866,108
- Nguyên giá	222		167,626,393,251	150,632,764,390
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53,360,146,468)	(45,582,898,282)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2,858,063,991	2,814,292,289
- Nguyên giá	228		7,583,280,981	6,988,280,981
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,725,216,990)	(4,173,988,692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6,511,107,735	15,823,564,566
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6,511,107,735	15,823,564,566
Tài sản dài hạn khác	260		81,463,156,113	90,130,224,094
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	81,463,156,113	90,130,224,094
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,184,957,304,445	1,411,942,637,092

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		891,807,357,906	1,125,658,552,029
Nợ ngắn hạn	310		888,807,357,906	1,122,658,552,029
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	370,035,091,373	559,180,331,866
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7,090,261,231	11,051,631,566
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1,741,409,350	987,787,865
Phải trả người lao động	314		13,982,700,762	23,852,281,569
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	14,883,054,030	13,999,665,620
Doanh thu chưa thực hiện	318	24	2,170,363,637	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	21	11,179,289,966	8,985,395,373
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	467,695,069,804	504,571,340,417
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30,117,753	30,117,753
Nợ dài hạn	330		3,000,000,000	3,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	3,000,000,000	3,000,000,000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		293,149,946,539	286,284,085,063
Vốn chủ sở hữu	410	25	293,149,946,539	286,284,085,063
Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,149,910,000	249,149,910,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		249,149,910,000	249,149,910,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7,168,804,418	7,168,804,418
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,333,755,096)	(2,333,755,096)
Quỹ đầu tư phát triển	418		10,082,930,218	10,082,930,218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29,082,056,999	22,216,195,523
<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		22,216,195,523	668,129,556
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		6,865,861,476	21,548,065,967
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,184,957,304,445	1,411,942,637,092

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017

Người lập



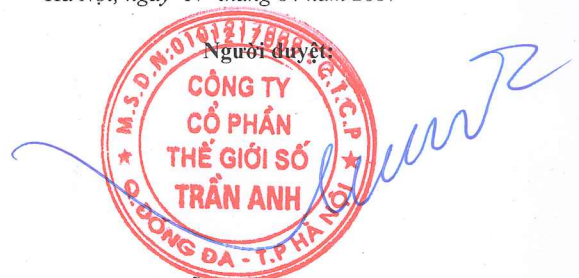
Lưu Văn Lam
PP. Tài chính kế toán

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 02a-DN

	Mã số	Thuyết Minh	Giai đoạn	Năm kết thúc ngày
			03 tháng kết thúc ngày 31/03/2017	31/12/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1,138,722,357,985	4,116,120,793,762
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4,282,903,469	17,769,908,188
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,134,439,454,516	4,098,350,885,574
Giá vốn hàng bán	11	28	991,122,178,798	3,613,481,913,378
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		143,317,275,718	484,868,972,196
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	499,379,253	1,944,360,845
Chi phí tài chính	22	30	6,605,793,602	16,219,853,929
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6,605,793,602	16,219,853,929
Chi phí bán hàng	25		114,916,791,074	398,654,400,840
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		14,160,706,057	45,394,193,287
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		8,133,364,238	26,544,884,985
Thu nhập khác	31		663,130,261	2,451,627,526
Chi phí khác	32		89,453,482	931,181,897
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		573,676,779	1,520,445,629
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,707,041,017	28,065,330,614
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1,841,179,541	6,517,264,647
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60		6,865,861,476	21,548,065,967
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		277	868

Người lập



Lưu Văn Lam
PP. Tài chính kế toán

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017



Người Duyệt:

Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a- DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày 31/03/2017 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,247,898,614,651	4,508,973,915,313
Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,167,988,549,448)	(4,419,165,336,921)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(55,273,338,013)	(150,961,487,962)
Tiền lãi vay đã trả	04		(6,642,112,741)	(15,940,908,378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,067,691,638)	(6,322,429,736.00)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,149,673,493	19,713,696,735
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10,558,197,710)	(55,282,919,925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,518,398,594	(118,985,470,874)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XDCB và các tài sản dài hạn khác	21		(8,498,365,447)	(75,733,507,029)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	3,600,000,000.00
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23		(8,622,001)	(8,387,500)
Tiền thu từ việc rút tài khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24		-	-
Thu lãi tiền gửi	27		468,586,804	1,767,360,537
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8,038,400,644)	(70,374,533,992)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ việc bán cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		378,890,752,104	1,308,405,409,994
Tiền trả nợ gốc vay	34		(415,767,022,717)	(1,101,782,169,809)
Tiền trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	36		(3,718,300)	(22,543,537,950)
Chi phí phát hành cổ phiếu thưởng				(45,454,545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36,879,988,913)	184,034,247,690
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(37,399,990,963)	(5,325,757,176)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65,506,420,645	70,832,177,821
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	28,106,429,682	65,506,420,645

Người lập



Lưu Văn Lam
PP. Tài chính kế toán

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017

Người duyệt:



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng giám đốc

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 công ty có 19 chi nhánh

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

c) Kỳ kế toán năm

Trong năm trước kỳ kế toán năm của công ty là từ ngày 1 tháng 1 tới ngày 31 tháng 12. Vào ngày 07 tháng 03 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển đổi kỳ kế toán năm kết thúc vào ngày 31 tháng 03.

Theo đó, báo cáo tài chính hiện thời sẽ được lập cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 tới ngày 31 tháng 03.

Số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 không được điều chỉnh lại và không mang tính so sánh hoàn toàn với số liệu báo cáo giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (" VND")

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính này.

a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

c) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám Đốc của công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi

e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

f) Tài sản cố định hữu hình

i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

§ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 -10 năm
§ Nâng cấp siêu thị	3 năm
§ Phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

§ Thiết bị văn phòng 3 năm

g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

J) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

i) Vốn cổ phần

i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần

ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu Quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

m) Thuế

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

n) Doanh thu và thu nhập khác

i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

ii) doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng

o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố

q) Báo cáo bộ phận

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

r) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là có liên quan.

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

4 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
- Tiền mặt	6,866,510,355	22,867,207,576
- Tiền gửi ngân hàng	14,362,119,335	24,601,758,110
- Tiền đang chuyển	1,019,827,695	4,007,130,292
- Các khoản tương đương tiền	5,857,972,297	14,030,324,667
Cộng	28,106,429,682	65,506,420,645

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn bằng ba tháng

5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	317,009,501	308,387,500
Cộng	317,009,501	308,387,500

6 Phải thu của khách hàng

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	5,381,035,086	7,187,256,469
Giá trị thuần của các khoản phải thu	5,381,035,086	7,187,256,469

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, tài khoản phải thu của công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại từ bên thứ ba

Phần lớn doanh thu bán hàng của công ty được thực hiện qua những giao dịch trả tiền ngay.

7 Hàng tồn kho

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
- Công cụ, dụng cụ	2,808,160,842	3,018,502,606
- Hàng hóa	807,304,138,293	964,273,073,378
	810,112,299,135	967,291,575,984

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7,551,300,868)	(8,490,050,917)
	802,560,998,267	958,801,525,067
8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
- Thuế TNCN nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Cộng	-	-
9 Phải thu khác		
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
- Phải thu ngắn hạn khác		
<i>Tạm ứng của CBCNV</i>	3,480,123,591	4,007,170,957
<i>Phải thu khác</i>	21,985,669,277	19,026,242,822
Cộng	25,465,792,868	23,033,413,779
10 Tài sản thiếu chờ xử lý		
	31/03/2017	31/12/2016
- Tiền	-	-
- Hàng tồn kho	-	-
- Tài sản cố định	-	-
- Tài sản khác	-	-
Cộng	-	-

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp, sửa chữa, thi công siêu thị VND	Phương tiện vận chuyên VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	45,108,210,865	72,336,599,363	9,085,915,717	24,102,038,445	150,632,764,390
Tăng trong kỳ	520,354,107	830,868,167	1,383,518,109	-	2,734,740,383
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6,410,108,080	7,305,339,588	543,440,810	-	14,258,888,478
Phân loại lại (*)	-	-	-	-	-
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	52,038,673,052	80,472,807,118	11,012,874,636	24,102,038,445	167,626,393,251
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12,778,630,454	20,868,286,970	4,432,278,647	7,503,702,211	45,582,898,282
Khấu hao trong kỳ	2,314,057,572	4,023,769,414	723,823,996	715,597,204	7,777,248,186
Phân loại lại (*)	-	-	-	-	-
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15,092,688,026	24,892,056,384	5,156,102,643	8,219,299,415	53,360,146,468
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	32,329,580,411	51,468,312,393	4,653,637,070	16,598,336,234	105,049,866,108
Số dư cuối kỳ	36,945,985,026	55,580,750,734	5,856,771,993	15,882,739,030	114,266,246,783

Công ty cổ phần thể giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	6,988,280,981	6,988,280,981
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang				595,000,000	595,000,000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
Tăng khác				-	-
Phân loại lại (*)					-
Thanh lý, xóa sổ					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	7,583,280,981	7,583,280,981
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	4,173,988,692	4,173,988,692
Khấu hao trong kỳ				551,228,298	551,228,298
Tăng khác					-
Phân loại lại (*)				-	-
Thanh lý, xóa sổ					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	4,725,216,990	4,725,216,990
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	2,814,292,289	2,814,292,289
Số dư cuối kỳ	-	-	-	2,858,063,991	2,858,063,991

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

14. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	15,823,564,566	19,117,583,763
Tăng trong kỳ	8,560,278,506	79,548,023,711
Chuyển sang tài sản cố định	(14,853,888,478)	(55,822,781,027)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2,435,718,137)	(26,117,523,784)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(583,128,722)	(901,738,097)
Xóa sổ	-	-
Số dư cuối kỳ	6,511,107,735	15,823,564,566
Số dư của chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ bao gồm		
Thi công nội thất siêu thị	5,158,194,959	13,790,753,331
Chi phí phát triển phần mềm	1,146,945,776	1,322,429,106
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	205,967,000	710,382,129
Số dư cuối kỳ	6,511,107,735	15,823,564,566

15. Bất động sản đầu tư

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

16. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,136,872,125	1,205,282,409
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị phân bổ dần trong kỳ	6,618,157,877	8,973,100,363
Chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh	3,243,060,050	3,891,787,126
Cộng	10,998,090,052	14,070,169,898

Chi phí trả trước dài hạn

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn của công ty bao gồm:

- Công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.
- Chi phí hoạt động trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh cho nhiều kỳ.
- Tiền thuê các siêu thị trả trước cho nhiều kỳ.

Chi tiết phát sinh chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	90,130,224,094	28,747,808,179
Tăng trong kỳ	4,429,727,764	79,430,904,948
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,435,718,137	26,117,523,784
Thanh lý	(10,505,309)	(222,409,197)
Phân bổ trong kỳ	(15,522,008,573)	(43,943,603,620)
Số dư cuối kỳ	81,463,156,113	90,130,224,094

17. Tài sản khác

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tài sản ngắn hạn khác	47,738,236,128	68,081,585,750
Thuế GTGT được khấu trừ	47,738,236,128	68,081,585,750
Các khoản khác	-	-
Tài sản dài hạn khác	55,542,313,221	55,468,817,251
Đặt cọc thuê các siêu thị của công ty	55,542,313,221	55,468,817,251
Cộng	103,280,549,349	123,550,403,001

18. Các khoản vay

Vay ngắn hạn

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Dư đầu kỳ	504,571,340,417	300,948,100,232
Vay trong kỳ	378,890,752,104	1,304,405,409,994
Phân loại gốc vay dài hạn phải trả năm 2017 sang ngắn hạn	-	800,000,000
Trả tiền vay trong kỳ	(415,767,022,717)	(1,101,582,169,809)
Dư cuối kỳ	467,695,069,804	504,571,340,417

Vay dài hạn

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Dư đầu kỳ	3,000,000,000	-
Vay trong kỳ	-	4,000,000,000
Phân loại gốc vay phải trả năm 2017 sang ngắn hạn	-	(800,000,000)
Trả tiền vay trong kỳ	-	(200,000,000)
Dư cuối kỳ	3,000,000,000	3,000,000,000

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,741,409,350	967,921,447
Thuế thu nhập cá nhân	-	19,866,418
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	1,741,409,350	987,787,865

20. Chi phí phải trả

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	14,883,054,030	13,999,665,620
	14,883,054,030	13,999,665,620

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	11,179,289,966	8,985,395,373
Cổ tức phải trả	97,903,977	101,622,277
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,857,037,373	6,910,697,164
Các khoản phải trả khác	4,224,348,616	1,973,075,932
Phải trả dài hạn	-	-
	11,179,289,966	8,985,395,373

22. Phải trả người bán

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
	-	-

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017****Mẫu B 09 - DN**

Phải trả người bán ngắn hạn	370,035,091,374	559,180,331,866
	370,035,091,374	559,180,331,866

23. Dự phòng phải trả

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
	-	-

24. Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	-	-
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	2,170,363,637	-
	-	-
Tổng cộng	2,170,363,637	-

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

25. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	226,594,320,000	29,769,848,963	(2,333,755,096)	10,082,930,218	23,224,947,556	287,338,291,641
Góp vốn/phát hành cổ phiếu						-
Phát hành cổ phiếu thường	22,555,590,000	(22,555,590,000)				-
Lợi nhuận thuần trong kỳ					21,548,065,967	21,548,065,967
Phân bổ vào các quỹ						-
Cổ tức					(22,556,818,000)	(22,556,818,000)
Tạm ứng cổ tức						-
Mua lại cổ phiếu quỹ						-
Chi phí phát hành cổ phiếu		(45,454,545)				(45,454,545)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	249,149,910,000	7,168,804,418	(2,333,755,096)	10,082,930,218	22,216,195,523	286,284,085,063
Góp vốn/phát hành cổ phiếu						-
Phát hành cổ phiếu thường	-	-				-
Lợi nhuận thuần trong kỳ					6,865,861,476	6,865,861,476
Phân bổ vào các quỹ						-
Bán cổ phiếu quỹ						-
Cổ tức					-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ					-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu						-
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	249,149,910,000	7,168,804,418	(2,333,755,096)	10,082,930,218	29,082,056,999	293,149,946,539

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

b. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của công ty là:

	31/03/2017		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	24,914,991	249,149,910,000	24,914,991	249,149,910,000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	24,914,991	249,149,910,000	24,914,991	249,149,910,000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(102,614)	(1,026,140,000)	(102,614)	(1,026,140,000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	24,812,377	248,123,770,000	24,812,377	248,123,770,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/03/2017		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	24,812,377	248,123,770,000	22,556,818	225,568,180,000
Phát hành cổ phiếu trong năm		-		-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	-	0	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	0	2,255,559	22,555,590,000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	0	-	-
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu thưởng thu hồi trong năm	-	0	-	-
Số dư cuối kỳ	24,812,377	248,123,770,000	24,812,377	248,123,770,000

c. Các quỹ của doanh nghiệp**i) Quỹ đầu tư phát triển**

Các quỹ này được lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông số 01/2017/NQ-TAG-ĐHĐCĐ-BVB ngày 07 tháng 03 năm 2017 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 8%/mệnh giá, việc tạm ứng này sẽ được thực hiện vào tháng 4 năm 2017

Công ty cổ phần thể giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

26. Nguồn kinh phí

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Còn lại	-	-

27. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1,138,722,357,985	4,116,120,793,762
Giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(4,282,903,469)	(17,769,908,188)
Doanh thu thuần	1,134,439,454,516	4,098,350,885,574

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	991,122,178,798	3,613,481,913,378
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá vốn hàng bán	991,122,178,798	3,613,481,913,378

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	499,379,253	1,944,360,845
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	499,379,253	1,944,360,845

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	6,605,793,602	16,219,853,929
Chi phí tài chính khác	-	-
	6,605,793,602	16,219,853,929

31. Thu nhập khác, chi phí khác

a. Thu nhập khác

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	
Tiền phạt thu được		
Các khoản khác	663,130,261	2,451,627,526
	663,130,261	2,451,627,526

b. Chi phí khác

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	
Các khoản phạt		
Các khoản khác	89,453,482	931,181,897
	89,453,482	931,181,897

32. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
	Chi phí nhân công	10,766,843,887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,254,696,829	5,916,806,164
Chi phí Quản lý doanh nghiệp khác	2,139,165,341	6,696,546,080
	14,160,706,057	45,394,193,287

b. Chi phí bán hàng

	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
	Chi phí nhân công	42,254,020,161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49,833,449,612	171,274,567,152
Chi phí bán hàng khác	22,829,321,301	70,158,997,666
	114,916,791,074	398,654,400,840

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	-
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
	-	-

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Năm hiện hành	1,741,409,347	5,613,066,126
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	99,770,194	878,496,963
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	25,701,558
Cộng	1,841,179,541	6,517,264,647

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 22% lợi nhuận tính thuế từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

b. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế	-	-
Cộng	-	-

Công ty cổ phần thể giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

34. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và được thực hiện như sau:

i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	6,865,861,476	21,548,065,967
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6,865,861,476	21,548,065,967

ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24,812,377	22,556,818
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm		
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm		
Phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2016		2,255,559
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong kỳ		
Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền tại thời điểm cuối kỳ	24,812,377	24,812,377

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017	31/12/2016
	VND	VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng nhận được		5,123,700,000
Trả cổ tức		5,123,709,000
Cổ tức phải trả		
Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng nhận được		4,837,720,000
Trả cổ tức		4,837,725,000
Cổ tức phải trả		
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng nhận được		472,900,000
Trả cổ tức		472,904,000
Cổ tức phải trả		

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Nghiêm Xuân Thắng

Cổ phiếu thưởng nhận được	173,990,000
Trả cổ tức	173,990,000
Cổ tức phải trả	

Bùi Xuân Hùng

Cổ phiếu thưởng nhận được	139,530,000
Trả cổ tức	139,533,000
Cổ tức phải trả	

Đỗ Thị Kim Liên

Cổ phiếu thưởng nhận được	1,012,580,000
Trả cổ tức	1,012,588,000
Cổ tức phải trả	

NOJIMA CORPORATION

Cổ phiếu thưởng nhận được	6,981,350,000
Trả cổ tức	6,981,353,000
Cổ tức phải trả	

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thủ lao đã trả theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông	-	189,631,845
---	---	-------------

36. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Trong vòng 01 năm	122,847,771,332	122,602,050,713
Trong vòng hai đến năm năm	394,893,665,112	402,272,433,017
Sau năm năm	323,973,401,819	345,589,962,482
	841,714,838,262	870,464,446,213

(b) ngoại tệ các loại

	Nguyên tệ USD	Tương đương VND
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	6,386	153,345,464

37. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/03/2017 VND	31/12/2016 VND
Giá vốn hàng bán	991,122,178,798	3,613,481,913,378
Chi phí nhân công	53,020,864,048	190,001,677,065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,328,476,484	23,796,933,513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51,088,146,441	177,191,373,316
Chi phí khác	16,640,010,158	53,058,610,233

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017

Người lập



Lưu Văn Lam

PP. Tài chính kế toán

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương

Phó Tổng Giám Đốc



Số: 17.../2017/GUQ-TA

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc và năng lực của cán bộ,

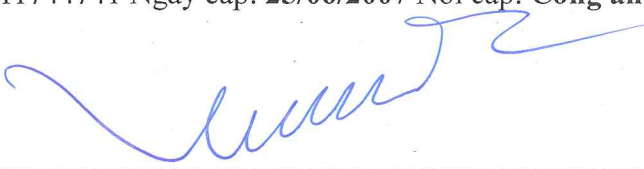
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Ủy quyền cho cán bộ có tên và chữ ký mẫu dưới đây là đại diện của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh được thay mặt Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty ký phê duyệt Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh.

Họ và tên người ủy quyền: Ông Trần Xuân Kiên
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Số CMTND (Hoặc hộ chiếu): 001074000330
(Ngày cấp: 08/04/2015 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư).

Họ và tên người được ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thu Hương
Chức vụ: Phó Tổng giám đốc công ty
CMTND: 011744741 Ngày cấp: 25/06/2007 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Chữ ký mẫu
của người được ủy quyền



.....

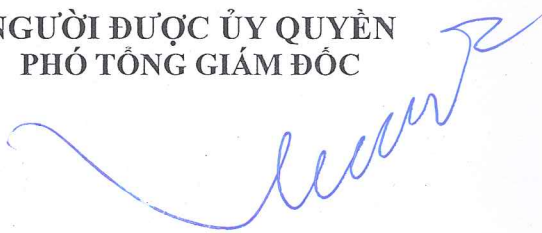
Thời hạn ủy quyền: Từ ngày 01/04/2017 đến hết ngày 30/04/2018.

**NGƯỜI ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Xuân Kiên

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thị Thu Hương